**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II-LỚP 12**

**Năm học 2023-2024**

**1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ (%)*** | ***Thời gian******(phút)*** |
| **1** | **Listening** | 10 |  | 7.5 |  | 0.25 |  |  |  | 20 |  |
| **2** | **Language** | 15 |  | 10 |  | 10 |  |  |  | 35 |  |
| **3** | **Reading** | 5 |  | 7.5 |  | 7.5 |  |  5 |  | 25 |  |
| **4** | **Writing** | 10 |  | 5 |  |  |  | 5 |  | 20 |  |
| **Tổng** | **40** | **14-15** | **30** | **14-15** | **20** | **8-10** | **10** | **4-5** | **100** | **40-45** |
| **Tỉ lệ (%)** | **40** | **30** | **20** | **10** |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | **70** | **30** |  |

 **BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II – BÀI THI VIẾT**

**MÔN: TIẾNG ANH 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kỹ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kỹ năng****cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | ***Tổng Số CH/ bài*** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong khoảng 3 phút (khoảng 150 – 200 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề: *- Endangered species* *- Artificial intelligent* *- The world of work* *- Choosing a career**(True/False)* | **Nhận biết:** - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại điểm tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:** - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai điểm tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 3 phút (khoảng 200 từ) chủ đề *- Endangered species* *- Artificial intelligent* *- The world of work* *- Choosing a career* *(MCQs)* | **Nhận biết:** - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:** - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **LANGUAGE** | **1. Pronunciation and communication**Dạng phát âm nguyên âm đơn/đôi, phụ âmDạng trọng âm của từ 2 âm tiết/ từ 3 âm tiết trở lênĐáp lại các tình huống giao tiếp thông dụng*(MCQs)* | **Nhận biết:**- Nhận biết các âm và trọng âm thông qua các từ vựng theo chủ đề đã học. | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu các tình huống giao tiếp và đáp lại |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**- Vận dụng các từ vào bài nghe, vận dụng cách đáp lại vào tình huống giao tiếp thực tế |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vocabulary**Từ vựng theo các chủ điểm đã học: *- Endangered species* *- Artificial intelligent* *- The world of work* *- Choosing a career*- Synonyms- Antonyms- Word form/ word choice/ collocation*(MCQs)* | **Nhận biết:**- Nhận ra/nhớ lại/liệt kê được các từ vựng theo chủ điểm của unit từ 6-9 | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu, phân biệt được các từ loại theo chủ điểm của unit từ 6-9- Nắm được các mối liên kết của từ trong ngữ cảnh, bối cảnh giao tiếp tương ứng.  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:** - Vận dụng được từ vựng chủ điểm của unit từ 6-9 |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **Grammar**Các chủ điểm ngữ pháp đã học trong *Units 6,7,8,9**- Tenses**- The active and passive causatives ( get/ have)**- Reported speech in orders, requests, offers, advice, instructions, …**- Phrasal verbs**- Adverbial clause of condition, comparison, manner, and result**(MCQs)* | **Nhận biết:**- Nhận ra các kiến thức ngữ pháp đã học.  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu và phân biệt các kiến thức ngữ pháp. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**- Vận dụng những kiến thức ngữ pháp đã học vào bài viết / nghe / đọc. |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **III.** | **READING** | **1. Reading comprehension**Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 150-200 từ về chủ đề *- Endangered species* *- Artificial intelligent* *- The world of work* *- Choosing a career* *( Gap filling)* | **Nhận biết:** - Nhận ra các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**- Phân biệt được các đặc điểm, đặc trưng của các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản, |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**- Sử dụng được kiến thức kĩ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  | 2 |  |
| **2. Reading comprehension**Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 200 từ với các chủ đề: *- Endangered species* *- Artificial intelligent* *- The world of work* *- Choosing a career* *(MCQs)* | **Nhận biết:**- Nhận biết các thông tin chi tiết trong bài đọc. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu ý chính của bài đọc.  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:** - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.- Phân tích, tổng hợp ý chính của bài đọc để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 2 |  | 1 |  | 3 |  |
| **IV.** | **WRITING** | **Controlled:**- Tìm lỗi sai- Chọn câu có nghĩa tương đương với câu ban đầu*(MCQs)* | **Nhận biết:**- Nhận diện lỗi sai trong các câu- Hiểu câu gốc, hiểu cấu trúc ngữ pháp và hiểu nghĩa của các đáp án để chọn câu có nghĩa tương đương. | 4 |  | 2 |  |  |  | 2 |  | 8 |  |
| ***Tổng*** |  |  | ***16*** | ***0*** | ***12*** | **0** | ***8*** | ***0*** | ***4*** | **0** | **40** | **4** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **V.** | **SPEAKING** | ***(Phần SPEAKING tổ chức thi riêng buổi)******+ Nội dung:*** *- Hỏi - đáp và trình bày về các nội dung liên quan đến các chủ điểm đã học.**- Sử dụng được một số chức năng giao tiếp cơ bản như hỏi và cung cấp thông tin, bày tỏ ý kiến, ….**+* ***Kỹ năng:****- Kỹ năng trình bày một vấn đề; sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các biểu đạt trên khuôn mặt phù hợp; kỹ năng nói trước đám đông;…****+ Ngôn ngữ và cấu trúc:****- Ưu tiên sử dụng những cấu trúc đã học.* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **1. Introduction**  | **Nhận biết:** - G*iới thiệu các thông tin liên quan bản thân/ sở thích* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | (1 bài – 5%) |
|  |  | **2. Topic speaking**  | **Thông hiểu:** *- Sử dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để nói về 1 trong các chủ đề:* *- Endangered species* *- Artificial intelligent* *- The world of work* *- Choosing a career***Vận dụng:** *- Sử dụng từ vựng và cấu trúc linh hoạt, diễn tả được nội dung cần nói theo những cách khác nhau. Phát âm tương đối chuẩn.* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | (1 bài – 10%) |
|  |  | **3. Q&A** | **Vận dụng cao:** *- Hiểu, đặt câu hỏi và trả lời được câu hỏi một cách linh hoạt (của giám khảo hoặc của thành viên trong nhóm). Sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và thuần thục.* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | (1 bài – 5%) |